

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài,
dự án khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 24/2006/QĐ-BKHCN ngày 30/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy định về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước";

Căn cứ Quyết định số 11/2007/QĐ-BKHCN ngày 04/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước";

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN, ngày 04/10/2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn chế độ khoán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 155/TTr-SKHCN ngày 28/4/2009; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 237/BC-STP ngày 23/12/2008; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 686/TC-HCSN ngày 17/4/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 61/2005/QĐ-UB ngày 29/4/2005 của UBND tỉnh về việc

ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24/2009/QĐ-UBND
ngày 18/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng cho việc quản lý các đề tài, dự án thuộc các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh Quảng Ngãi và được áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân khi thực hiện đề tài, dự án có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khoa học và công nghệ cần được giải quyết, được tổ chức thực hiện dưới hình thức đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ.

2. Chương trình khoa học và công nghệ tỉnh (sau đây gọi tắt là chương trình): là hệ thống các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ cho việc giải quyết các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn), các đề tài triển khai công nghệ và các dự án sản xuất thử nghiệm, dự án triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học.

3. Đề tài nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là đề tài): là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể nghiên cứu hoặc triển khai áp dụng những ý tưởng khoa học hoặc những thành tựu khoa học công nghệ vào hoàn cảnh điều kiện cụ thể, được thể hiện dưới các hình thức: đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

4. Dự án khoa học công nghệ (sau đây gọi là dự án): là nhiệm vụ triển khai áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học có xuất xứ khác nhau để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế xã hội hoặc sản xuất thử nghiệm ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

5. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của UBND tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

6. Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của UBND tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá Hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ

1. Việc quản lý chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phải thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ; bảo đảm vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và vai trò quản lý nhà nước của các Sở, ban ngành và UBND huyện, thành phố có liên quan; bảo đảm trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án và Cơ quan chủ trì đề tài, dự án.

2. Hoạt động quản lý chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ phải bảo đảm để đề tài, dự án triển khai thực hiện thuận lợi theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã được phê duyệt.

3. Việc sử dụng kinh phí của đề tài, dự án phải đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí và theo các quy định hiện hành.

Điều 4. Những quy định chung về quản lý đề tài, dự án

1. Danh mục và số lượng các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong kế hoạch 05 năm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối tổng hợp các đề tài, dự án khoa học và công nghệ hàng năm trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm quá 2 đề tài, hoặc 1 dự án cấp tỉnh (cho đến khi nghiệm thu). Mỗi đề tài, dự án có tối đa 2 đồng chủ nhiệm.

4. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ mà mình đăng ký (được đào tạo hoặc làm việc ít nhất 3 năm trong lĩnh vực) hoặc có trình độ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ đăng ký kèm theo điều kiện đội ngũ cộng tác viên tham gia phải có chuyên môn phù hợp.

5. Cơ quan chủ trì đề tài, dự án là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án.

6. Mỗi đề tài, dự án chỉ có 1 tổ chức chủ trì thực hiện. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức và phải đảm bảo có đủ số lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Đề tài, dự án có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai không được đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí nghiên cứu.

8. Thời gian thực hiện đề tài, dự án không quá 24 tháng tính từ ngày ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học; riêng các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế, nghiên cứu cơ bản được triển khai không quá 36 tháng; các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.

9. Phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án được áp dụng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

10. Phương thức xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án được áp dụng đối với các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau:

- Nhiệm vụ thuộc bí mật nhà nước, đặc thù của an ninh, quốc phòng.
- Một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bách.
- Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà nội dung chỉ có một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện.
- Dự án khoa học công nghệ (dự án sản xuất thử nghiệm, dự án triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu).

Điều 5. Thông tin về đề tài, dự án

1. Thông tin về đề tài, dự án khoa học và công nghệ được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và trên các ấn phẩm thông tin khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ xuất bản (trừ thông tin đặc biệt liên quan đến bí mật nhà nước).
2. Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm chính trong việc thông tin về nội dung của đề tài, dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này và tuyên truyền, phổ biến, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của đề tài, dự án.

Chương II QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 6. Căn cứ đề xuất đề tài, dự án

1. Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh.
2. Mục tiêu, nội dung chủ yếu các Chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.
3. Yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ; của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đối với ngành khoa học và công nghệ để giải quyết những vấn đề phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Điều 7. Yêu cầu đối với việc xác định đề tài, dự án

1. Việc xác định các đề tài, dự án phải xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh hoặc một khu vực có ý nghĩa đối với sự phát triển của tỉnh và phù hợp với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.
2. Đề tài khoa học phải đảm bảo có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ, tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính khả thi và tính hiệu quả.
3. Kết quả nghiên cứu của đề tài phải có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống hoặc phục vụ luận cứ khoa học cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh (trừ các đề tài nghiên cứu cơ bản chưa có khả năng ứng dụng ngay).
4. Dự án chủ yếu tập trung triển khai kết quả nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển các ngành kinh tế của tỉnh.
5. Yêu cầu cụ thể đối với dự án sản xuất thử nghiệm
 - a) Yêu cầu về công nghệ:

- Có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ đang áp dụng trên địa bàn tỉnh, có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài;
- Có tác động nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được áp dụng rộng rãi.

b) Tính khả thi và hiệu quả kinh tế-xã hội:

- Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (thuyết minh rõ về khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án);

- Có khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án;

- Sản phẩm của dự án có tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (phát triển sản phẩm mới, tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng).

c) Công nghệ được sử dụng đảm bảo tính hợp pháp và có xuất xứ từ một trong các nguồn sau:

- Kết quả của các đề tài đã được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị áp dụng;

- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học công nghệ;

- Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ khác đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định công nhận.

Điều 8. Trình tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đưa vào kế hoạch nghiên cứu hàng năm theo các bước sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Danh mục sơ bộ) theo Điều 9 Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở Danh mục sơ bộ và theo Điều 10 của Quy chế này.

3. Trên cơ sở kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có), Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 9. Xây dựng Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xây dựng Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm theo trình tự sau:

1. Thông báo hướng dẫn bằng văn bản hoặc làm việc trực tiếp (trong trường hợp cần thiết) đề nghị các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh xây dựng và đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần nghiên cứu giải quyết để hình thành các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức lấy ý kiến đề xuất nhiệm vụ từ một số doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học hoặc các chuyên gia đầu ngành trong trường hợp cần thiết.

3. Lựa chọn kết quả nghiên cứu từ các nhiệm vụ KH&CN các cấp đã được đánh giá có tính khả thi cho việc triển khai thực hiện tiếp theo.

4. Trên cơ sở kết quả tổng hợp các đề xuất quy định tại khoản 1, 2, 3 điều này và đối chiếu với căn cứ, yêu cầu quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy chế này, để hình thành các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trường hợp cần thiết tổ chức các nhóm chuyên gia bao gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách, đại diện doanh nghiệp đề tư vấn).

Sở Khoa học và Công nghệ xử lý, tổng hợp xây dựng thành Danh mục sơ bộ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 10. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng) được thành lập theo chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ nghiên cứu.

2. Hội đồng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập.

3. Hội đồng có từ 9 đến 15 người, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên. Cơ cấu Hội đồng gồm:

- 1/2 là các cán bộ khoa học và công nghệ thuộc chuyên ngành khoa học có liên quan, có thành tích nghiên cứu và kinh nghiệm trong chuyên ngành khoa học được giao tư vấn;

- 1/2 là các cán bộ quản lý thuộc cơ quan quản lý Nhà nước và cơ quan, tổ chức dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu liên quan.

4. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

5. Chủ tịch Hội đồng chủ trì Phiên họp của Hội đồng, trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến đánh giá nhận xét của mình.

6. Hội đồng thảo luận, phân tích từng nhiệm vụ trong Danh mục sơ bộ theo các yêu cầu và tiêu chí nêu tại Điều 7 Quy định này.

7. Thành viên Hội đồng đánh giá từng nhiệm vụ theo mẫu phiếu quy định (Sở Khoa học và Công nghệ lập trên cơ sở hướng dẫn của Bộ KH và CN). Phiếu hợp lệ là phiếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đã hướng dẫn trên phiếu.

8. Trên cơ sở kết quả phiếu đánh giá của các thành viên, Hội đồng xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN theo thứ tự ưu tiên. Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị đưa vào Danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tại phiên họp bỏ phiếu "đề nghị thực hiện". Thứ tự ưu tiên đối với các nhiệm vụ được sắp xếp dựa trên số lượng phiếu "đề nghị thực hiện". Trường hợp các nhiệm vụ có số phiếu đề nghị bằng nhau, căn cứ theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng để xếp thứ tự ưu tiên.

9. Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc xét chọn), phương án tổ chức thực hiện từng nhiệm vụ KH&CN nêu tại Khoản 8 Điều này, kể cả kiến nghị tổ chức phối hợp thực hiện và việc mời chuyên gia cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết.

Điều 11. Phê duyệt và công bố Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các Hội đồng đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt theo trình tự sau:

a) Rà soát các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Danh mục để tránh sự trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang triển khai thực hiện, các nhiệm vụ của các chương trình liên quan.

b) Thẩm định sự phù hợp của các nhiệm vụ với các căn cứ quy định tại Điều 7. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các Sở, ngành, cơ quan có liên quan về các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Chuẩn xác các thông tin chủ yếu liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Danh mục. Đối với Đề tài: xác định chính xác tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với sản phẩm. Đối với Dự án: xác định chính xác tên, mục tiêu, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt của sản phẩm.

2. Tổng hợp Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ công bố Danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt hàng năm trên trang tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương III**QUY TRÌNH TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN****Điều 12. Nguyên tắc tuyển chọn, xét chọn**

1. Việc tuyển chọn phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định đăng ký tham gia.

2. Việc xét chọn được thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Việc tuyển chọn và xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

4. Việc đánh giá Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể cho đề tài, dự án quy định tại Khoản 7 Điều 17 của Quy định này.

5. Mỗi đề tài, dự án đưa ra tuyển chọn, xét chọn chỉ có nhiều nhất 01 hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

6. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ giữa các tổ chức, các cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ.

Điều 13. Thông báo tuyển chọn, xét chọn

Hàng năm, việc thông báo tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các đề tài, dự án cấp tỉnh được Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện như sau:

1. Trường hợp tuyển chọn: Thông báo tóm tắt nội dung các nhiệm vụ tuyển chọn trên Báo Quảng Ngãi, Báo Khoa học Phát triển. Thông báo chi tiết trên trang tin điện tử

của Sở Khoa học và Công nghệ. Thông báo trực tiếp đến một số tổ chức, cá nhân có khả năng đăng ký tham gia tuyển chọn.

Thời hạn để tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn là 60 ngày kể từ ngày đăng thông báo đầu tiên.

2. Trường hợp xét chọn: Thông báo nội dung nhiệm vụ bằng văn bản gửi đến tổ chức được giao chuẩn bị Hồ sơ.

Thời hạn để tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chuẩn bị hồ sơ xét chọn là 30 ngày kể từ ngày phát hành văn bản thông báo.

Điều 14. Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn gồm những văn bản, tài liệu dưới đây:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án theo biểu mẫu quy định;

2. Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KHCN), thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, thuyết minh dự án, theo mẫu quy định;

3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, dự án.

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì và các cá nhân đăng ký tham gia thực hiện chính của đề tài, dự án;

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, dự án;

6. Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với dự án sản xuất thử nghiệm.

Mỗi văn bản trong Bộ Hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như đã quy định trên từng biểu mẫu.

Các biểu mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ ban hành trên cơ sở Biểu mẫu hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 15. Nộp Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Nơi nhận Hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi.

2. Hình thức nộp Hồ sơ: Gửi qua Bưu điện hoặc nộp trực tiếp.

3. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo quy định trong thông báo tuyển chọn, xét chọn.

4. Ngày chứng thực nhận Hồ sơ là ngày ghi ở dấu của Bưu điện Quảng Ngãi (trường hợp gửi qua Bưu điện) hoặc dấu đến của Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp nộp trực tiếp).

5. Trong thời hạn quy định nộp Hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút Hồ sơ đã nộp để thay bằng Hồ sơ mới hoặc bổ sung Hồ sơ đã nộp. Việc thay Hồ sơ mới và bổ sung Hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

Điều 16. Mở Hồ sơ

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm mở Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn. Quá trình mở Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được lập thành Biên bản.

2. Hồ sơ hợp lệ là Hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu, nộp đúng hạn và đáp ứng được các yêu cầu quy định chung.

Hồ sơ hợp lệ mới được đưa vào xem xét, đánh giá.

Điều 17. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng khoa học tư vấn tuyển chọn, xét chọn các đề tài, dự án. Mỗi Hội đồng chỉ thực hiện tư vấn cho một đề tài, dự án.

2. Hội đồng có từ 7 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, có thể có Phó chủ tịch, hai ủy viên phản biện, một ủy viên thư ký và các thành viên khác. Thành phần của Hội đồng gồm:

- 1/3 là đại diện của cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức có liên quan, đại diện cơ quan ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ .

- 2/3 là các cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ có liên quan.

3. Cá nhân đăng ký chủ trì và tham gia thực hiện đề tài, dự án không được tham gia Hội đồng.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cử các thư ký hành chính giúp việc các Hội đồng.

5. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá độc lập, trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét chọn.

6. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và phải có mặt ít nhất 01 ủy viên phản biện. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp Hội đồng.

7. Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án.

Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được đánh giá theo 2 phần: Đánh giá thuyết minh của Đề tài (Phần 1) và Đánh giá năng lực về hoạt động khoa học và công nghệ và kinh nghiệm của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài (Phần 2).

Nhóm tiêu chí và Tiêu chí đánh giá do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng theo thang điểm tối đa 100 điểm dựa trên hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn đối với đề tài khoa học công nghệ, đề tài khoa học xã hội và nhân văn, dự án khoa học công nghệ.

8. Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng Hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu thực hiện theo đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu. Các thành viên của Hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm chỉ tiêu đánh giá và thang điểm quy định.

Đề tài, dự án được tuyển chọn, xét chọn thực hiện khi có số điểm trung bình của các thành viên hội đồng đạt từ 70 điểm trở lên.

Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được đánh giá có số điểm cao nhất. Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá

bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng) được ưu tiên để xếp hạng. Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

9. Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án.

Biên bản phải ghi rõ kiến nghị của Hội đồng về những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong Thuyết minh đề tài hoặc Thuyết minh dự án, các sản phẩm khoa học công nghệ phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện đề tài, dự án hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển.

Biên bản làm việc có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ .

10. Lưu giữ Hồ sơ gốc.

Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, xét chọn, thư ký hành chính của Hội đồng có trách nhiệm nộp bộ Hồ sơ gốc (kể cả Hồ sơ trúng tuyển và Hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 18. Thẩm định, phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án

Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án theo trình tự sau:

1. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ trúng tuyển theo kết luận của Hội đồng khoa học tư vấn tuyển chọn, xét chọn gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định nội dung đề cương và kinh phí thực hiện.

2. Việc thẩm tra và phê duyệt dự toán kinh phí của đề tài, dự án thực hiện theo Quy định hiện hành về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ có thể kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức được đề nghị trúng tuyển trước khi trình phê duyệt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt triển khai đề tài, dự án và kế hoạch thực hiện.

5. Thông báo kết quả phê duyệt đến các tổ chức, cá nhân chủ trì và công bố trên trang tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG, KIỂM TRA, NGHIỆM THU, CÔNG NHẬN VÀ QUẢN LÝ KẾT QUẢ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 19. Giao nhiệm vụ và ký hợp đồng

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt triển khai đề tài, dự án của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo giao nhiệm vụ cho Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án và hướng dẫn nội dung, kế hoạch thực hiện, đồng thời thông báo nội dung này cho Sở, ngành, cơ quan chủ quản để phối hợp tổ chức quản lý.

2. Sở Khoa học và Công nghệ và Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án ký kết hợp đồng thực hiện đề tài, dự án. Mẫu hợp đồng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 20. Chế độ kiểm tra

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, định kỳ 6 tháng một lần phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành liên quan kiểm tra tiến độ thực hiện, nội dung khoa học và sản phẩm của các đề tài, dự án theo đề cương và hợp đồng đã ký kết.

2. Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện của chương trình, đề tài, dự án.

3. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án phải báo cáo tiến độ thực hiện đề tài, dự án 6 tháng/lần và báo cáo tình hình thực hiện đề tài, dự án trong năm kế hoạch (trước ngày 10 tháng 12 hàng năm).

Điều 21. Điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện

1. Đối với Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án: Được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chỉ được giao khoán trong phạm vi tổng dự toán kinh phí được giao khoán của đề tài, dự án theo quy định tại Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN, ngày 04/10/2006 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn chế độ khoán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở đề xuất bằng văn bản của Chủ nhiệm đề tài, dự án, Tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có), xem xét, quyết định điều chỉnh các nội dung sau:

a) Tiến độ thực hiện của đề tài, dự án được kéo dài tối đa không quá 90 ngày;

b) Dự toán kinh phí đã được phê duyệt đối với các nội dung chỉ không được giao khoán của đề tài, dự án (trong phạm vi tổng kinh phí thực hiện đề tài, dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt).

c) Một số nội dung nghiên cứu không làm ảnh hưởng đến mục tiêu đề tài, dự án đã được phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều chỉnh các nội dung không thuộc quy định tại khoản 1,2 điều này.

Điều 22. Chấm dứt hợp đồng

1. Sở Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở đề xuất của Chủ nhiệm đề tài, dự án, Tổ chức chủ trì hoặc ý kiến của cơ quan chủ quản của tổ chức chủ trì (nếu có) xem xét, quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: Đề tài, dự án gặp các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... dẫn đến không thể hoàn thành;

2. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có sự vi phạm hợp đồng: các điều kiện theo hợp đồng không được bảo đảm dẫn đến đề tài, dự án không có khả năng hoàn thành; đề tài, dự án thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu theo hợp đồng đã ký kết; kinh phí bị sử dụng sai mục đích.

3. Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng khi có căn cứ cho rằng Chủ nhiệm đề tài, dự án và Tổ chức chủ trì không đủ năng lực tổ chức quản lý; hướng nghiên cứu bị bế tắc, không còn nhu cầu nghiên cứu.

4. Căn cứ quyết định chấm dứt thực hiện hợp đồng, Sở Khoa học và Công nghệ, Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện các thủ tục thanh lý hợp đồng theo các điều khoản của hợp đồng đã ký giữa các bên và theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

Điều 23. Đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài, dự án

1. Đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở đối với đề tài, dự án:

Tổ chức chủ trì đề tài, dự án chủ trì tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở đối với đề tài, dự án và hoàn chỉnh hồ sơ về kết quả đánh giá gửi Sở Khoa học và Công nghệ để đánh giá nghiệm thu chính thức.

Việc đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở được tiến hành ở Cơ quan chủ trì đề tài, dự án và phải được hoàn thành trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn thực hiện đề tài, dự án. Hội đồng khoa học đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở do Thủ trưởng Cơ quan chủ trì đề tài, dự án thành lập.

Hội đồng khoa học nghiệm thu cơ sở có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng Cơ quan chủ trì đề tài, dự án nhận định về kết quả nghiên cứu đã được thực hiện so với đề cương đề tài, dự án và Hợp đồng và quyết định chuyển Hồ sơ đánh giá kết quả đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức đánh giá nghiệm thu chính thức.

Hội đồng khoa học nghiệm thu cơ sở kết luận đánh giá kết quả đề tài, dự án theo hai mức: "Đạt" hoặc "Không đạt".

2. Đánh giá, nghiệm thu chính thức đối với đề tài, dự án:

Việc đánh giá nghiệm thu chính thức được thực hiện bằng Hội đồng khoa học do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và phải được hoàn thành trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh hợp lệ.

3. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu chính thức (nghiệm thu cấp tỉnh) gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh của Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài;

b) Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở đã được hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá cơ sở;

c) Quyết định thành lập Hội đồng và Biên bản đánh giá cơ sở;

d) Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong Danh sách tác giả thực hiện Đề tài.

Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính hợp lệ của Hồ sơ đánh giá và yêu cầu Chủ nhiệm Đề tài và Cơ quan chủ trì Đề tài bổ sung hoàn chỉnh Hồ sơ đánh giá khi thấy cần thiết. Ngày ghi trên giấy biên nhận Hồ sơ đánh giá kết quả đề tài, dự án cấp Tỉnh là ngày tính thời điểm nộp Hồ sơ hợp lệ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chỉ thành lập Hội đồng khoa học nghiệm thu đối với các đề tài, dự án được Hội đồng cơ sở đánh giá ở mức "Đạt". Những Đề tài được Hội đồng cơ sở đánh giá "Không đạt", sẽ được Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét, xử lý.

Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh căn cứ vào Hồ sơ đánh giá kết quả, trong đó có kết luận của Hội đồng khoa học nghiệm thu cơ sở và Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) để đánh giá toàn diện các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.

Đối với các đề tài có kết quả nghiên cứu là sản phẩm có các thông số kỹ thuật đo kiểm được (kể cả phần mềm máy tính), thì tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ của đề tài phải được một Tổ chuyên gia thẩm định trước khi Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh hợp đánh giá.

5. Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh có từ 7-11 thành viên, gồm Chủ tịch, có thể có Phó chủ tịch, có ít nhất 2 ủy viên phản biện và các thành viên.

Các thành viên, đặc biệt là các ủy viên phản biện, đã tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn được ưu tiên mời tham gia Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh đối với đề tài, dự án tương ứng.

Nếu đề tài có nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ chính lớn, mỗi sản phẩm có thể có 1 đến 2 ủy viên phản biện.

Hội đồng chỉ tiến hành họp đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài, dự án khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên trở lên, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và phải có mặt ít nhất 01 ủy viên phản biện. Hội đồng đánh giá theo tiêu chí trong phiếu đánh giá do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng và bỏ phiếu xếp loại theo các mức: xuất sắc, khá, trung bình và không đạt.

Biên bản nghiệm thu có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh có trách nhiệm đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo hoặc phổ biến chuyên giao ứng dụng kết quả đề tài, dự án với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 24. Công nhận kết quả đề tài, dự án

1. Biên bản nghiệm thu của Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh là văn bản có giá trị pháp lý về việc đánh giá chất lượng và công nhận sự hoàn tất của đề tài, dự án.

2. Sở Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng khoa học nghiệm thu cấp tỉnh và căn cứ vào Hợp đồng, xác định trách nhiệm của các bên liên quan, có hình thức xử lý phù hợp đối với các đề tài, dự án có kết quả được đánh giá, nghiệm thu chính thức ở mức “không đạt”.

Điều 25. Thanh lý hợp đồng

1. Trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 22.

Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập Hội đồng xử lý. Thành phần Hội đồng xử lý gồm: Thanh tra Sở, phòng chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, đại diện cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, Chủ tịch Hội đồng, ủy viên phản biện và một số thành viên tham gia Hội đồng khoa học tuyển chọn, xét chọn đề tài, dự án.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ biên bản họp Hội đồng xử lý ra quyết định xử lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài và thu hồi kinh phí (tỷ lệ thu hồi kinh phí sẽ do Hội đồng xử lý đề nghị và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định).

2. Căn cứ biên bản đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh lý hợp đồng với Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

Điều 26. Quản lý kết quả đề tài, dự án sau khi kết thúc

1. Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, dự án và Cơ quan chủ quản của Tổ chức chủ trì (nếu có) chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của đề tài, dự án theo quy định của pháp luật. Quyền sở hữu, quyền tác giả, quyền sử dụng kết quả đề tài, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ.

2. Việc đăng ký lưu, giữ kết quả đề tài, dự án thực hiện theo Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.

Chương V

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN

Điều 27. Tổ chức thực hiện đề tài, dự án

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, cùng Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan, Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm tổ chức thực hiện đề tài, dự án.

2. Trực tiếp thực hiện việc nghiên cứu, triển khai đề tài, dự án là Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án. Tham gia thực hiện việc nghiên cứu, triển khai đề tài, dự án có thể có một hoặc nhiều cơ quan phối hợp thực hiện, có Thư ký đề tài, Kế toán và các cộng tác viên.

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan chủ trì đề tài, dự án

1. Cùng Chủ nhiệm đề tài, dự án ký kết với Sở Khoa học và Công nghệ hợp đồng thực hiện đề tài, dự án.

2. Cùng Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các cam kết trong hợp đồng về:

- a) Cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện) và nhân lực;
- b) Điều phối kế hoạch, tiến độ thực hiện đề tài, dự án;
- c) Các điều khoản khác thuộc trách nhiệm của Cơ quan chủ trì.

3. Quản lý kinh phí được cấp, cấp đủ và đúng nội dung, tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng; tổ chức đấu thầu, mua sắm và quản lý trang bị, thiết bị của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ và Ban chủ nhiệm Chương trình (nếu có) theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với đề tài, dự án.

5. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của đề tài, dự án và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

6. Các kết quả của đề tài, dự án do Cơ quan chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét cho Cơ quan chủ trì được chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án

1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đề tài, dự án. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, về giá trị khoa học, trình độ nghiên cứu và về hiệu quả của kết quả nghiên cứu đề tài, dự án; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích từ kết quả của đề tài, dự án (nếu có, khi có uỷ quyền nếu nhận 100% kinh phí từ ngân sách tỉnh); có phương án ứng dụng kết quả hoặc phương án thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của đề tài, dự án.

2. Chủ động sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện đề tài, dự án theo thỏa thuận trong hợp đồng và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

4. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện đề tài, dự án theo hợp đồng. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai nhiệm vụ, sử dụng kinh phí của đề tài, dự án.

5. Thực hiện việc công bố, giao nộp, chuyển giao kết quả thực hiện đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành tổ chức xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; hướng dẫn triển khai thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm.

2. Tổ chức xây dựng và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mục tiêu, nội dung chủ yếu, kết quả dự kiến của chương trình, đề tài, dự án. Trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu thực hiện đề tài, dự án được quyền xem xét và quyết định điều chỉnh một số nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 21.

3. Trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định bổ sung các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất và bố trí kế hoạch thực hiện trong các Chương trình.

4. Tổng hợp và cân đối kinh phí cho các chương trình, đề tài, dự án để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm tài chính cho hoạt động của các Chương trình, đề tài, dự án.

5. Hướng dẫn các văn bản pháp luật của Nhà nước, các biểu mẫu phục vụ công tác quản lý các chương trình, đề tài, dự án một cách thống nhất trên địa bàn tỉnh.

6. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được quyền ra quyết định đình chỉ triển khai đề tài, dự án khi có vi phạm Quy chế này trong trường hợp chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 22.

7. Giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động của các chương trình, đề tài, dự án.

8. Đánh giá kết quả, tổng kết hoạt động các chương trình, đề tài, dự án.

9. Báo cáo UBND tỉnh về tình hình và kết quả thực hiện các Chương trình, đề tài, dự án.

Điều 31. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng mục tiêu, nội dung của các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh, xác định

nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần tập trung nghiên cứu giải quyết thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Sở, ngành, địa phương mình; tạo điều kiện cho các đơn vị trực thuộc là Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện có kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao.

2. Tham gia thẩm định thuyết minh, đánh giá nghiệm thu chính thức các đề tài, dự án do Sở, ngành, địa phương đề xuất và đề tài, dự án do đơn vị trực thuộc chủ trì.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát và đôn đốc các Cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án trực thuộc thực hiện đúng những cam kết trong hợp đồng.

4. Kiến nghị điều chỉnh nội dung, kinh phí, tiến độ thực hiện hoặc kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ đình chỉ thực hiện đề tài, dự án trong trường hợp phát hiện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài trực thuộc không có khả năng hoàn thành đề tài, dự án; vi phạm quy định tại quy chế này; sử dụng kinh phí đề tài, dự án sai mục đích.

5. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ liên quan đến lĩnh vực, phạm vi quản lý của ngành, địa phương. Chủ động đề xuất, đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm với Sở Khoa học và Công nghệ. Tổng hợp báo cáo kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đã thực hiện hàng năm.

6. Chịu trách nhiệm về kết quả nghiên cứu và hiệu quả ứng dụng của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Sở, ban, ngành, địa phương mình chủ trì thực hiện. Tổ chức tiếp nhận và có kế hoạch tuyên truyền phổ biến, khai thác sử dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án do mình đề xuất vào sản xuất và đời sống một cách có hiệu quả.

Chương VI

QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 32. Quản lý kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phân bổ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

2. Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách được giao và quyết định phê duyệt kinh phí cho từng chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ, Sở Tài chính thẩm tra dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho Sở Khoa học và Công nghệ và cho các cơ quan đơn vị.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 33. Lập, thẩm tra, phê duyệt kinh phí

1. Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho các tổ chức chủ trì đề tài, dự án được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Dự toán kinh phí cho từng đề tài, dự án do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định căn cứ vào định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí của đề tài, dự

án theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh; căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước.

3. Chi và kiểm soát chi kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khoán kinh phí đề tài, dự án khoa học và công nghệ và quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 34. Cấp phát kinh phí

1. Kinh phí đề tài, dự án được cấp theo tiến độ thực hiện quy định trong Hợp đồng nghiên cứu vào tài khoản của cơ quan chủ trì.

2. Đề tài, dự án khoa học và công nghệ chỉ được cấp tiếp kinh phí cho năm tiếp theo khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp cho năm trước đó. Kinh phí của mỗi đề tài, dự án được tạm giữ lại 10 - 20% trên tổng kinh phí, phần kinh phí này sẽ được cấp sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu chính thức với kết quả đạt trở lên.

Điều 35. Quyết toán kinh phí

1. Kinh phí đề tài, dự án được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ theo niên độ và tuân thủ theo các quy định về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Đề tài, dự án sau khi nghiệm thu, nhận kinh phí lần cuối phải được thực hiện thanh quyết toán kinh phí với Sở Khoa học và Công nghệ và giao nộp toàn bộ kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ theo hợp đồng đã ký kết trong thời gian 1 tháng kể từ ngày nghiệm thu cấp tỉnh.

3. Kết thúc niên độ ngân sách:

Các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ đối với đơn vị chủ trì thực hiện là đơn vị dự toán, đơn vị dự toán có trách nhiệm tổng hợp báo cáo quyết toán với Sở, ngành chủ quản. Sở, ngành chủ quản báo cáo quyết toán với Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ.

Các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ đối với đơn vị chủ trì thực hiện không phải là đơn vị dự toán của tỉnh và các tổ chức chủ trì ngoài tỉnh, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo quyết toán với Sở Tài chính.

Điều 36. Kinh phí thu hồi và kinh phí do bán sản phẩm của đề tài, dự án

Việc thu hồi kinh phí đối với dự án sản xuất thử nghiệm và xử lý kinh phí do bán sản phẩm của đề tài, dự án thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VII KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 37. Khen thưởng

1. Đối với các đề tài, dự án hoàn thành đúng hạn và vượt mức nhiệm vụ được giao, tạo nên những kết quả khoa học và công nghệ xuất sắc sẽ được xét khen thưởng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có hình thức khen thưởng thích đáng đối với tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án khoa học và công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả thiết thực cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 38. Khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm quy định trong tổ chức quản lý chương trình, đề tài, dự án và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 39. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án trong quá trình tổ chức thực hiện đề tài, dự án nếu vi phạm quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, vi phạm Quy chế này, vi phạm hợp đồng khoa học và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án chậm trễ thời hạn thực hiện hợp đồng quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc quyết toán.

Trong trường hợp này, khi quyết toán không chấp nhận thanh toán toàn bộ kinh phí thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án.

3. Các tổ chức có 02 đề tài, dự án trễ hạn hợp đồng hoặc chậm quyết toán kinh phí từ 12 tháng trở lên, không được đăng ký chủ trì đề tài, dự án trong 3 năm tiếp theo.

4. Các tổ chức, cá nhân không làm đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước liên quan đến chương trình, đề tài, dự án và trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý được giao, đặt ra các thủ tục ngoài quy định hoặc sách nhiễu thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Pháp lệnh Cán bộ công chức và các quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Vận dụng Quy định

Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức sự nghiệp nhà nước thuộc tỉnh được vận dụng quy định tại Quy chế này để xác định, tuyển chọn, xét chọn, đánh giá nghiệm thu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý.

Điều 41. Điều khoản thi hành

1. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế